

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 23/2026/HS-ST.

Ngày: 10/02/2026.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Duy Cảnh.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Quang Đô - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. A Nhân, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1999 tại tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi); số căn cước công dân 062099001546; nơi cư trú: Thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông D, sinh năm 1968 và bà Y N (Y N1), sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ, con. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Tiền án: Không. Tiền sự: 01. Ngày 24/01/2025, A N2 thực hiện hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an thành phố K, tỉnh Kon Tum (cũ) xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng. A N2 đã nộp phạt nhưng tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

* Nhân thân:

- Ngày 13/6/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (cũ) xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 36/2019/HS-ST (đã được xóa án tích).

- Ngày 02/6/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (cũ) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 56/2021/HS-ST (đã được xóa án tích).

- Ngày 24/07/2024 có hành vi “Trộm cắp tài sản” bị Công an thành phố K, tỉnh Kon Tum (cũ) xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng. Ngày 16/8/2024, A N2 đã nộp phạt và được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

2. A S, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2006 tại tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi); số căn cước công dân 062206004685; nơi cư trú: Thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tô L, sinh năm 1977 và bà Y H, sinh năm 1988; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. A T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1991 tại tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi); số căn cước công dân 062091005322; nơi cư trú: Thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A P, sinh năm 1947 và bà Y P1, sinh năm 1951; bị cáo có vợ là Y Y, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và có 02 con chung, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không. Tiền sự: 02.

- Ngày 22/05/2024, A T thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản bị Công an thành phố K, tỉnh Kon Tum (cũ) xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng. Ngày 24/01/2025, A T đã nộp phạt nhưng tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

- Ngày 24/01/2025, A T thực hiện hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an thành phố K, tỉnh Kon Tum (cũ) xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng. Ngày 24/01/2025, A T đã nộp phạt, tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 30/11/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (cũ) xử phạt 05 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án số 92/2019/HS-ST (đã được xóa án tích).

4. A K, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1999 tại tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi); số căn cước công dân 062099005732; nơi cư trú: Thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A K1, sinh năm 1966 và bà Y N3, sinh năm 1971; bị cáo có vợ là Y T1, sinh năm 1999 và có 02 con chung, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

5. A H1, sinh ngày 09 tháng 7 năm 1993 tại tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi); số căn cước công dân 062093005464; nơi cư trú: Thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A H2 và bà Y P2 (đều đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: 01.

- Ngày 07/3/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (cũ) xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 38/2024/HS-ST. Ngày 11/8/2024, chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương và chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 01/9/2017, A H1 thực hiện hành vi “Cố ý gây thương tích” đã bị khởi tố bị can. Do bị hại rút đơn, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K (cũ) đã đình chỉ điều tra. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

6. A N4, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2004, tại tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi); số căn cước công dân 062204004106; nơi cư trú: Thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông D, sinh năm 1968 và bà Y N (Y N1), sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01; tiền sự: 01.

- Ngày 24/01/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (cũ) xử phạt 10 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” theo bản án số 15/2024/HS-ST. Ngày 16/9/2024, chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương và chưa được xóa án tích.

- Ngày 24/01/2025, A N4 thực hiện hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an thành phố K, tỉnh Kon Tum (cũ) xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng. Ngày 24/01/2025, A N4 đã nộp phạt nhưng tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

7. Mak, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2005, tại tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi); số căn cước công dân 062205007929; nơi cư trú: Thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông M (đã chết) và bà Y T2, sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân. Ngày 01/02/2017, M1 có hành vi ném gạch đá vào trụ sở Công an phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (cũ) bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

8. A B, sinh ngày 13 tháng 01 năm 1998, tại tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi); số căn cước công dân 062098006207; nơi cư trú: Thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông B1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Bích D1, sinh năm 1968; bị cáo có vợ là Y T3, sinh năm 2001 và có 03 con chung, sinh năm 2020, 2022 và 2025; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo A B có bà Nguyễn Thị Thúy H3 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5. Có mặt.

- Bị hại

1. Công ty TNHH T6.

Địa chỉ: Số F N, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Phú M2 – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Vũ Ngọc Q, sinh năm 1980.

Trú tại: Số B T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần X.

Địa chỉ: Số A B, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M3, sinh năm 1980.

Địa chỉ nơi làm việc: Số A B, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Văn M4, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Trú tại: Số G T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Trần Thị Bích L1, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Trú tại: Số D B, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người làm chứng:* Anh A M5, sinh năm 2001. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 12/9/2025 đến ngày 27/09/2025, A N2, A S, A T, A K, A H1, A N4, M1 và A B đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn phường K, tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 12/9/2025, A N2 đi soi ếch ở Khu hành chính AB, thuộc phường K, tỉnh Quảng Ngãi thì gặp A T và A S. Lúc này, A N2 rủ A T và A S đi trộm cắp dây cáp điện thì A T, A S đồng ý. Sau đó A N2, A T, A S cùng đi đến trụ điện để cắt trộm dây điện thì gặp A B đang đi ngoài đường nên A N2 rủ A B đi trộm cắp dây cáp điện với nhóm của A N2 thì A B đồng ý. Khi nhóm của A N2 đi tới trụ đèn đường vành đai bờ kè sông Đ, thuộc thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi, A N2 nói A B đứng rọi đèn pin cảnh giới; A N2 đi đến dùng con dao rựa cắt được 01 (Một) đoạn dây cáp điện dài 51,1m (*Năm mươi mốt phẩy một mét*) của Công ty TNHH T6. Sau khi cắt xong, A N2 cùng A S và A T kéo đoạn dây cáp điện lấy trộm được ra bờ sông đốt lấy lõi dây đồng rồi giấu ở bụi cây.

Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, A N2 nhờ A M5 chở đi bán phế liệu thì A M5 đồng ý. A M5 sử dụng xe mô tô kiểu dáng Yamaha Exciter chở A N2 mang theo một bao tải màu trắng bên trong đựng lõi dây đồng trộm cắp trước đó, trên đường Đ có hỏi A N2 đựng gì bên trong bao tải nhưng A N2 không trả lời, A M5 chở A N2 đến chỗ thu mua phế liệu của ông Ngô Văn V, tại G T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, A M5 đứng ở ngoài xe chờ, A N2 vác bao tải trắng vào bên trong bán

số lõi dây đồng cho ông V, khi ông V hỏi về nguồn gốc số đồng trên, A N2 nói do đi chăn bò nhặt được, do không nghi ngờ gì nên ông V đồng ý mua số đồng trên với số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền này A N2 chia cho A T, A S và A B mỗi người 300.000 đồng, A N2 ngỏ ý cho A M5 300.000 đồng nhưng A M5 không nhận, nên còn số tiền 600.000 đồng A Nhân giữ. Số tiền trên các đối tượng đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự phường K kết luận: Giá trị của 51,1m cáp điện chiếu sáng (cáp CXV/DSTA 4x16mm²) tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 12/9/2025 tài sản có giá trị là 11.998.229 đồng (*Mười một triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn hai trăm hai mươi chín đồng*).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 02 giờ ngày 13 tháng 09 năm 2025, A N4 cùng A H1 và M1 đi soi ếch ở khu vực gần tòa nhà hành chính AB thuộc Thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Lúc này, A N4 nảy sinh ý định đi cắt trộm dây cáp điện để bán lấy tiền tiêu xài nên rủ A H1 và M1 đi cùng thì A H1 và M1 đồng ý. Sau đó A H1, A N4, M1 đi về nhà A N4 để lấy 01 (một) con dao rựa rồi đi đến khu vực vành đai bờ kè khu hành chính AB để lấy trộm dây cáp điện. Tại đây, A N4, A H1, M1 thay nhau kéo được đoạn dây điện dài 25,3m (*Hai mươi lăm phẩy ba mét*) và đoạn dây cáp điện dài 6,1 m (*Sáu phẩy một mét*). Tổng cộng 31,4m dây cáp điện cùng loại của Công ty TNHH T6. Sau khi trộm được dây cáp điện các đối tượng đã kéo dây cáp điện ra bãi đất trống gần bờ sông thuộc thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi để đốt lấy lõi đồng, rồi cắt lõi đồng ở gần chỗ đốt, ngoài bãi đất trống. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 13/9/2025, A H1 đi ra bãi đất trống lấy số lõi đồng sau đó đi bộ đến địa chỉ số D B, phường K, tỉnh Quảng Ngãi bán cho bà Trần Thị Bích L1. Khi bà L1 hỏi nguồn gốc số lõi đồng trên từ đâu mà có thì A H1 đã nói là do nhặt được ở ruộng nước nên đi bán, do không có nghi ngờ gì nên bà L1 đồng ý mua số dây đồng trên với số tiền 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*). Sau khi nhận tiền, A H1 chia cho A N4 và M1 mỗi người 600.000 đồng, A H1 được 600.000 đồng. Số tiền trên A H1, M, A N4 đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự phường K kết luận: Giá trị của 31,4 m (Ba mươi một phẩy bốn mét) cáp điện chiếu sáng (cáp CXV/DSTA 4x16mm²) tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 13/9/2025 tài sản có giá trị là 7.372.689 đồng (*Bảy triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

Vụ thứ ba: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 21/09/2025, A N2 và A S đang đi soi ếch tại Khu hành chính AB, thuộc phường K, tỉnh Quảng Ngãi thì A N2 nảy sinh ý định đi cắt trộm dây cáp điện bán lấy tiền tiêu xài nên rủ A S đi cắt trộm dây cáp điện thì A S đồng ý. Trên đường đi A N2 và A S gặp A T nên A S rủ A T đi cắt trộm dây cáp điện thì A T đồng ý. Lúc đi, A N2 mang theo 01 (một) con dao rựa, sau đó A N2, A T, A S đi bộ đến trụ đèn đường vành đai bờ kè sông Đ, thuộc thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi để cắt trộm dây cáp điện. Tại đây, A N2 cùng A S và A T đã

dùng tay kéo dây cáp điện ra được 51,1m (*Năm mươi một phẩy một mét*) của Công ty TNHH T6. Sau đó A N2, A T và A S cùng nhau kéo đoạn dây cáp điện đã cắt ra bãi đất trống gần bờ sông thuộc thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi rồi A T đốt dây cáp điện lấy lõi đồng, rồi đem lõi đồng cất giấu ở ngoài bãi đất trống.

Đến khoảng 08 giờ 00 cùng ngày, A S điều khiển xe mô tô của ông Nguyễn Tô L (*là bố của bị cáo, xe mô tô không có giấy tờ, không có biển số và ông Nguyễn Tô L đã bán xe sau đó nên không thu giữ được*) chở A N2 ra bãi đất trống gần bờ sông lấy lõi đồng đã trộm được cất giấu trước đó mang đi bán, khi đi trên đoạn đường T thì A S và A N2 gặp một người phụ nữ mua bán phế liệu (*Không xác định được nhân thân, lai lịch*) nên hỏi có mua lõi đồng không thì người này nói có, sau khi cân lên thì người đó trả cho A S và A N2 số tiền là 1.950.000 đồng. Sau đó, A S, A N2 và A T chia nhau mỗi người 650.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền trên A S, A N2 và A T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự phường K kết luận: Giá trị của 51,1 m (*Năm mươi một phẩy một mét*) cáp điện chiếu sáng (*cáp CXV/DSTA 4x16mm²*) tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 21/9/2025 tài sản có giá trị là 11.998.229 đồng (*Mười một triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn hai trăm hai mươi chín đồng*).

Vụ thứ tư: Khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 25/09/2025, A T rủ A S và A K đến khu vực xung quanh tòa nhà hành chính AB thuộc thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi để trộm cắp dây cáp điện thì A K và A S đồng ý. Sau đó A S, A K, A T đi đến khu vực xung quanh tòa nhà hành chính AB thì A S, A K, A T thấy một nắp cống đã mở sẵn. Sau đó, A S, A K, A T chui xuống cống thay nhau dùng cưa cắt dây cáp điện và kéo lên trên mặt đường được khoảng 5,6m (*Năm phẩy sáu mét*) dây cáp điện ngầm trung thế của Công ty cổ phần X. Sau đó, A S, A K, A T mang dây cáp điện trộm được ra bờ sông thuộc thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi rồi A T đốt để lấy phần lõi dây đồng. Sau đó, cả nhóm mang phần lõi đồng lấy trộm được đi cất giấu ở nhà A K tại thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

Đến khoảng 08 giờ ngày 25/09/2025, A K, A S và A T đi bộ mang số lõi đồng đã trộm được đi bán, khi đi trên đường bờ kè khu hành chính AB thì gặp một người phụ nữ đi mua phế liệu dạo (*Không rõ nhân thân, lai lịch*) nên bán số lõi đồng đã lấy trộm cho người này được số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau đó, A K, A S, A T chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền trên A K, A S và A T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự phường K kết luận: Giá trị của 5,6 mét (*Năm phẩy sáu mét*) dây cáp điện ngầm trung thế Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC3X95mm²-12/22(24)KV tại thời điểm bị chiếm đoạt

ngày 25/9/2025, tài sản có giá trị là 6.485.886 đồng (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng*).

Vụ thứ năm: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 27/09/2025, A N2 mang theo một cái cưa đến Khu hành chính AB thuộc thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi với mục đích cưa dây cáp điện để lấy trộm mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì gặp A S và A K đang đi ở khu bờ sông thuộc thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Thấy vậy, A N2 rủ A S và A K đi cưa trộm dây cáp điện thì cả hai đồng ý. Cả nhóm đi đến gần một cái nắp cống thì thấy nắp cống đã mở sẵn nên A N2 trèo xuống trước, A S và A K trèo xuống sau. Khi xuống dưới cống thì A N2, A S, A K thay nhau dùng cưa để cưa dây cáp điện. Khoảng 50 phút sau, nhóm của A N2 cưa đứt được một đoạn dây cáp điện dài 23m (*Hai mươi ba mét*) của Công ty cổ phần X. Lúc này, A N2, A S, A K cùng nhau kéo dây cáp điện lên mặt đường để mang đi đốt lấy lõi đồng, nhưng do dây cáp điện quá nặng nên không kéo lên được mà để lại đó. Sau đó, A N2, A S, A K bỏ đi về nhà và dự định hôm sau sẽ tiếp tục quay lại lấy.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự phường K kết luận: Giá trị của 23 mét (*Hai mươi ba mét*) dây cáp điện ngầm trung thế Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC3X95mm²-12/22(24)KV tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 27/9/2025 tài sản có giá trị là 26.638.462 đồng (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng*).

Đến sáng ngày 28/9/2025, khi ông Trần Vũ Ngọc Q và ông Ngô Xuân S1 là nhân viên của Công ty TNHH T6 và Công ty CP X1 công trình Sông H đi kiểm tra tuyến đường bờ kè dọc sông Đ gần khu vực tòa nhà hành chính AB thuộc phường K, tỉnh Quảng Ngãi thì phát hiện bị mất trộm dây cáp điện nên đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an.

Tại Bản Cáo trạng số 37/CT-VKSKV7 ngày 13/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo A N2, A S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố các bị cáo A T, A K, A H1, A N4, M1 và A B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi; các bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi giữ nguyên cáo trạng và quyết định truy tố đối với các bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo A N2, A S, A T, A K, A H1, A N4, M1 và A B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A Nhân T4 30 đến 36 tháng tù.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A S từ 30 đến 36 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A T từ 20 đến 24 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A K từ 20 đến 24 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A H1 từ 15 đến 18 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A N4 từ 15 đến 18 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo M1 từ 12 đến 15 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A B từ 12 đến 15 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với các đoạn vỏ dây điện màu đen và 01 đoạn dây điện dài 23m, dây cáp điện ngầm trung thế loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC3X95mm²-12/22(24)KV được thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường. Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty cổ phần X nên không xem xét.

+ Đối với 01 (một) khung cửa bằng kim loại, dài 43 cm, rộng 9,5 cm, có cán được quấn dây màu đen (*Đã qua sử dụng*) và 01 (một) lưới cửa bằng kim loại dài khoảng 40 cm (*Đã qua sử dụng*) là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo ủy quyền của các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường đúng số tiền đã bị thiệt hại như theo kết luận định giá tài sản nên buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại theo đúng số tiền đã bị thiệt hại như kết luận định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo A B trình bày lời bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo A B thống nhất với cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo A B, thống nhất về tội danh, khung hình phạt và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đề nghị đối với bị cáo. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình khó khăn thuộc hộ cận nghèo, có 03 con nhỏ dưới 15 tuổi, ngoài ra bị cáo tham gia với vai trò giúp sức và không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo A B ở mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù và đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo không ai có ý kiến tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của những người đại diện bị hại, những có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Xét thấy, những người đại diện bị hại vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án và căn cứ định tội: Tại phiên tòa các bị cáo A N2, A S, A T, A K, A H1, A N4, M1 và A B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 12/9/2025 đến ngày 27/09/2025, tại khu vực công trình điện đường chiếu sáng dọc đường vành đai bờ kè sông Đ (gần khu vực trung tâm hành chính A, thuộc thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi) các bị cáo A N2, A S, A T, A K, A H1, A N4, M1 và A B đã lợi dụng đêm tối, lén lút thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp tài sản là dây cáp điện các loại của Công ty TNHH T6 và Công ty Cổ phần X. Trong đó:

- Bị cáo A N2 tham gia 03 vụ lấy trộm dây cáp điện vào các ngày 12, 21 và 27 tháng 9 năm 2025, tài sản trộm cắp có tổng trị giá 50.634.920 đồng; trong đó ngày 27/9/2025 phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

- Bị cáo A S tham gia 04 vụ lấy trộm dây cáp điện vào các ngày 12, 21, 25 và 27 tháng 9 năm 2025, tài sản trộm cắp có tổng trị giá 57.120.806 đồng; trong đó ngày 27/9/2025 phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

- Bị cáo A T tham gia 03 vụ lấy trộm dây cáp điện vào các ngày 12, 21 và 25 tháng 9 năm 2025, tài sản trộm cắp có tổng trị giá 30.482.344 đồng;

- Bị cáo A K tham gia 02 vụ lấy trộm dây cáp điện vào các ngày 25 và 27 tháng 9 năm 2025, tài sản trộm cắp có tổng trị giá 33.124.348 đồng; trong đó ngày 27/9/2025 phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

- Các bị cáo A H1, A N4 và M1 cùng tham gia 01 vụ lấy trộm dây cáp điện vào ngày 13 tháng 9 năm 2025, tài sản trộm cắp có trị giá 7.372.689 đồng;

- Bị cáo A B tham gia 01 vụ lấy trộm dây cáp điện vào ngày 12 tháng 9 năm 2025, tài sản trộm cắp có trị giá 11.998.229 đồng;

Hành vi nói trên của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Trong đó, hành vi của các bị cáo A T, A K, A H1, A N4, M1 và A B đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo A N2, A S đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 37/CT-VKSKV7 ngày 13/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo A N2, A S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố các bị cáo A T, A K, A H1, A N4, M1 và A B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương đặc biệt là sau khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh. Hành vi của các bị cáo không chỉ gây thiệt hại về tài sản cho chủ sở hữu đối với số tài sản là các đoạn dây điện mà các bị cáo đã trực tiếp trộm cắp mà còn làm gián đoạn công tác nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng và gây ra thiệt hại cho chủ sở hữu trong công tác sửa chữa, khắc phục hậu quả. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn có tính chất đồng phạm gián đơn. Trong đó, bị cáo A N2, A T và A N4 là những người có vai trò khởi xướng, rủ rê và thực hiện hành vi phạm tội trong từng lần phạm tội, các bị cáo còn lại có vai trò đồng phạm là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội hoặc có vai trò giúp sức, cảnh giới khi tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của

từng bị cáo trong từng lần phạm tội để xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo A N2, A T, A N4, A H1 và M1 được xác định là những người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án hoặc từng bị xử phạt vi phạm hành chính; đối với các bị cáo A S, A K và A B trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo A N2, A S, A K và A T đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo A N4 và A H1 đều đã có 01 tiền án và tính đến ngày phạm tội mới 13/9/2025 các bị cáo chưa được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự nên lần phạm tội này của bị cáo A N4 và bị cáo A H1 thuộc trường hợp “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên cần áp dụng cho tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với các bị cáo A B và M1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo A B hiện nay có 03 người con đều dưới 15 tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, có thu nhập không ổn định và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng đã được thu giữ:

- Đối với: 01 (một) khung cửa bằng kim loại, dài 43cm, rộng 9,5cm, có cán được quấn dây màu đen và 01 (một) lưỡi cửa bằng kim loại dài khoảng 40 cm đều đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo A T, A S và A K đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và có giá trị không đáng kể nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) đoạn vỏ dây điện dài 5,6m màu đen; 01 (một) đoạn vỏ dây điện dài 4,1m màu đen; 01 (một) đoạn vỏ dây điện dài 5,6m màu đen; 01 (một) đoạn vỏ dây điện dài 12,7m, màu đen; 01 (một) đoạn vỏ dây điện dài 4,3m màu đen; 01 (một) đoạn vỏ dây điện dài 8,6m màu đen; 01 (một) đoạn vỏ dây điện dài 5,6m màu đen; 01 (một) đoạn vỏ dây điện dài 25,7m màu đen; 01 (một) đoạn vỏ dây điện dài 5,2m màu đen và 01 (một) đoạn dây điện dài 23 m (*Hai mươi ba mét*) dây cáp điện ngầm trung thế loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC3X95mm²-12/22(24)KV, vỏ bên ngoài màu đen. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty cổ phần X những vật chứng nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây thiệt hại về tài sản cho chủ sở hữu là Công ty TNHH T6 và Công ty Cổ phần X. Do vậy, buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội gây ra cho chủ sở hữu đối với số tài sản trộm cắp theo kết quả định giá và phải bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau tương ứng với số tiền được chia trong những lần tham gia trộm cắp của từng bị cáo vào các ngày 12, 13, 21 và 25 tháng 9 năm 2025, cụ thể từng bị cáo phải bồi thường như sau:

- Bị cáo A N2 phải bồi thường cho Công ty TNHH T6 số tiền là 8.798.699 đồng.
- Bị cáo A S phải bồi thường cho Công ty TNHH T6 số tiền là 6.399.054 đồng và bồi thường cho Công ty Cổ phần X số tiền là 2.161.962 đồng.
- Bị cáo A T phải bồi thường cho Công ty TNHH T6 số tiền là 6.399.054 đồng và bồi thường cho Công ty Cổ phần X số tiền là 2.161.962 đồng.
- Bị cáo A K phải bồi thường cho Công ty Cổ phần X số tiền là 2.161.962 đồng.
- Các bị cáo A N4, A H1 và M1 mỗi bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH T6 số tiền là 2.457.563 đồng.
- Bị cáo A B phải bồi thường cho Công ty TNHH T6 số tiền là 2.399.645 đồng.

Đối với lần trộm cắp ngày 27/9/2025 các bị cáo A N2, A S và A K phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, chưa lấy được tài sản là 23 mét dây cáp điện ngầm trung thế Công ty Cổ phần X; trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu là Công ty Cổ phần X nên các bị cáo không phải bồi thường theo kết quả định giá. Ngoài ra đối với chi phí khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra các bị hại chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, các bị hại có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có đủ tài liệu, chứng cứ.

[8] Về những tình tiết khác có liên quan:

- Trong quá trình điều tra vụ án, Công ty Cổ phần X có trình báo bị mất trộm 01 (Một) dây cáp ngầm trung thế dài 36,4m loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC3X95mm2-12/22(24)KV vào khoảng tháng 8/2025 đến tháng 9/2025 tại thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chỉ thu được 71,8m (*Bảy mươi một phẩy tám mét*) vỏ dây là các vỏ bằng nhựa màu đen bọc bên ngoài dây cáp điện ngầm loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC3X95mm2-12/22(24)KV. Cơ quan điều tra đã ra Yêu cầu định giá tài sản số C1594/YC-VPCQCSĐT, ngày 02/10/2025 đối với 36,4m dây cáp điện ngầm loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC3X95mm2-12/22(24)KV. Quá trình điều tra, các bị cáo A N2, A S, A T, A K, A B, A H1, M1, A N4 chỉ thừa nhận trộm cắp tài sản đối số dây cáp điện như nội dung vụ án đã trình bày ở trên, đối với 36,4m dây cáp điện loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC3X95mm2-12/22(24)KV như bị hại trình báo, các bị can không thừa nhận việc thực hiện hành vi trộm cắp. Hiện nay, trong hồ sơ vụ án ngoài lời khai của bị hại, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc các bị cáo có thực hiện hành vi trộm cắp đối với số tài sản trên. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án đối với hành vi trên để tiếp tục điều tra trong một vụ án khác.

- Đối với A M5, ngày 12/9/2025, có hành vi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter chở A N2 đi bán phế liệu là lõi đồng dây điện trộm cắp mà có; tuy nhiên, A M5 có hỏi nguồn gốc của số phế liệu bên trong bao tải nhưng A N2 không trả lời, A M5 không biết số tài sản do A N2 mang đi bán phế liệu là do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xử lý A M5 về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Đối với ông Ngô Văn V vào ngày 12/9/2025, có hành vi thu mua lõi đồng từ A N2 và bà Trần Thị Bích L1 vào ngày 13/9/2025 có hành vi thu mua lõi đồng từ A H1. Quá trình điều tra xác định ông Ngô Văn V và bà Trần Thị Bích L1 không biết số lõi đồng do A N2 và A H1 đem đến bán là do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xử lý ông Ngô Văn V và bà Trần Thị Bích L1 về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo A N2, A S, A T, A K, A H1, A N4, M1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo A B thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo A N2, A S, A T, A K, A H1, A N4, M1 và A B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **A N2** 34 (*Ba mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2025.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **A S** 34 (*Ba mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **A T** 22 (*Hai mươi hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **A K** 20 (*Hai mươi*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **A H1** 16 (*Mười sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **A N4** 17 (*Mười bảy*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **M1** 13 (*Mười ba*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **A B** 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/9/2025.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) khung cửa bằng kim loại, dài 43cm, rộng 9,5cm, có cán được quấn dây màu đen và 01 (một) lưới cửa bằng kim loại dài khoảng 40 cm đều đã qua sử dụng.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – tỉnh Quảng Ngãi).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585, Điều 587 và 589 Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội gây ra cho chủ sở hữu đối với số tài sản trộm cắp theo kết quả định giá, cụ thể từng bị cáo phải bồi thường như sau:

- Bị cáo A N2 phải bồi thường cho Công ty TNHH T6 số tiền là 8.798.699 đồng.
- Bị cáo A S phải bồi thường cho Công ty TNHH T6 số tiền là 6.399.054 đồng và bồi thường cho Công ty Cổ phần X số tiền là 2.161.962 đồng.
- Bị cáo A T phải bồi thường cho Công ty TNHH T6 số tiền là 6.399.054 đồng và bồi thường cho Công ty Cổ phần X số tiền là 2.161.962 đồng.
- Bị cáo A K phải bồi thường cho Công ty Cổ phần X số tiền là 2.161.962 đồng.
- Các bị cáo A N4, A H1 và M1 mỗi bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH T6 số tiền là 2.457.563 đồng.
- Bị cáo A B phải bồi thường cho Công ty TNHH T6 số tiền là 2.399.645 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong mà bên phải thi hành án chậm thi hành án đối với số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Buộc bị cáo A N2 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 439.935 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo A S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 428.050 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo A T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 428.050 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo A K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc các bị cáo A N4, A H1 và M1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo A B.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/02/2026) các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam số 2-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 7 – Quảng Ngãi ;
- Bị cáo và các đương sự khác;
- Sơ Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Tiến

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 7 – Quảng Ngãi ;
- Bị cáo và các đương sự khác;
- Sơ Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Tiến

